

Số: 201/2022/QĐST-HNGĐ

T, ngày 09 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 285/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1986; Địa chỉ: 26/13 N phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Anh Phan Thanh Ngọc T, sinh năm 1982; Địa chỉ: 10/3 N, phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1986 và anh Phan Thanh Ngọc T, sinh năm 1982.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên là Phan Bội B, sinh ngày 03/10/2009. Hiện nay cháu B đang sống với chị L. Ly hôn, chị L và anh T thống nhất giao cháu B cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2022 và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Phan Thanh Ngọc T xác định, trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005423 ngày 04/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên nên hoàn lại cho chị L số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Phan Thanh Ngọc T phải chịu số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Các đương sự;
- UBND phường ..., Tp.T;
(Số 45, quyển số 01/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Tân Sang